

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **101/2023/DS-ST**

Ngày: 25-12-2023

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Luyến.

2. Bà Phan Thị Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐST-DS, ngày 15/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-DS ngày 30/11/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 18/2023/TB-TA ngày 08/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A1); địa chỉ: Số B L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của A1: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H – Phó giám đốc phụ trách A1 chi nhánh T1, tỉnh Bình Thuận. (Theo Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 668/QĐ-NHN₀-TCTL ngày 27/4/2017)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H: Ông Mai Quốc B – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh A1 chi nhánh huyện T1. (Theo giấy ủy quyền số 87/NHN₀-BTH-TL-TH ngày 24/5/2023): Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thái Q, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị Ngọc Á, sinh năm 1967 và ông Đào Đình T, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Mai Quốc B trình bày như sau:

Ông Phạm Thái Q thực hiện hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T1 ở các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thấu chi sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 4814LAV2021, ngày 08/2/2021; số tiền vay: 2.500.000.000đ; thời hạn trả: 03/2/2026; mục đích sử dụng vốn vay: Sang nhượng đất cao su và cây cao su gắn liền trên đất. Ông Q thế chấp bằng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 8, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 149451, ngày 27/10/2005; thửa đất số 6, 7, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB423094, ngày 15/12/2006; tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 149451, ngày 27/10/2005; thửa đất số 11, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD149452, ngày 27/10/2005. Ông Phạm Thái Q đã trả được số tiền nợ gốc là 200.000.000đ. Hiện nay, ông Q còn nợ tiền gốc là 2.300.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 25/12/2023 là 467.770.000đ.

- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2022, ngày 04/3/2022: Số tiền vay 200.000.000đ; thời hạn trả 04/3/2023; mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi gà 2.000 con. Ông Phạm Thái Q còn nợ tiền gốc là 200.000.000đ. Tiền lãi tính đến ngày 25/12/2023 là 42.132.000đ.

- Hợp đồng tín dụng số: 4814LAV2020, ngày 14/7/2020: Số tiền vay: 150.000.000đ; thời hạn trả 14/7/2025; mục đích sử dụng vốn vay: Mua bàn ghế sa lon. Ông Q còn nợ tiền gốc là 150.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 25/12/2023 là 26.637.000đ.

- Hợp đồng thấu chi, ngày 29/9/2021: số tiền vay: 50.000.000đ; thời hạn cấp hạn mức thấu chi: 12 tháng kể từ ngày 29/9/2021. Ông Phạm Thái Q nợ tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 25/12/2023 là 2.000.000đ.

Do ông Phạm Thái Q vi phạm các quy định tại các hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thái Q phải trả lại tổng số tiền nợ gốc là 2.700.000.000đ và tiền lãi đối với các hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 25/12/2023 là 538.539.726đ. Tổng số tiền ông Phạm Thái Q phải trả lại cho Ngân hàng là 3.238.539.726đ. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để triệu tập hợp lệ bị đơn – ông Phạm Thái Q đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng ông Q đều vắng mặt không rõ lý do nên

Tòa án không thể ghi nhận những ý kiến của ông Q về những vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc Á, ông Đào Đình T trình bày:

Những tài sản là quyền sử dụng đất mà ông Q thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền là thuộc quyền sử dụng của ông T, bà Á. Vào thời điểm năm 2019 gia đình nhận sang nhượng quyền sử dụng từ bà Nguyễn Thị Lệ O. Ông T, bà Á hoàn thành xong thủ tục sang nhượng và các các diện tích đất đều đã được sang tên theo quy định. Ông T, bà Á muốn nhập các thửa lại thành một sổ đỏ nên đến Ủy ban nhân dân xã G để liên hệ làm thủ tục nhập thửa. Lúc này, ông T, bà Á gặp ông Phạm Thái Q là công chức một cửa của Ủy ban nhân dân xã G tiếp nhận hồ sơ để làm thủ tục nhập thửa cho gia đình. Ông T, bà Á đã giao toàn bộ hồ sơ, trong đó có các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) để ông Q làm thủ tục. Sau đó, không biết lý do gì và ông Q làm như thế nào mà ông Q được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các diện tích đất của ông T, bà Á. Ông Q đem các giấy chứng nhận này để thế chấp vay ngân hàng. Trên thực tế ông T, bà Á không sang nhượng cho ông Q và không biết gì liên quan đến việc ông Q đứng tên trong giấy chứng nhận liên quan đến các diện tích đất. Ông T, bà Á liên hệ hỏi ông Q liên tục xem khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Q cứ hứa hẹn là đang làm. Đến năm 2022 ông T, bà Á đến Ủy ban nhân dân xã G để hỏi việc cấp sổ thì phát hiện ông Q đã đem các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng. Ông T, bà Á đã liên hệ ông Q để yêu cầu trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Q bỏ trốn.

Ông Q đã làm các thủ tục giả mạo để chuyển tên cho ông Q đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà Á nên ông T, bà Á đang làm đơn tố cáo gửi Công an huyện T để xử lý hành vi của ông Q. Việc Ngân hàng khởi kiện ông Q để yêu cầu trả tiền nợ vay thì hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Ông Q nợ Ngân hàng thì ông Q có trách nhiệm thanh toán. Còn các diện tích đất mà ông Q thế chấp cho ngân hàng là của gia đình ông T, bà Á. Gia đình ông T, bà Á là người quản lý, sử dụng từ trước đến nay cho nên Ngân hàng không được quyền xử lý các tài sản này để thu hồi số tiền nợ của ông Q. Do đó, liên quan đến vụ án này ông T, bà Á không có yêu cầu gì. Vấn đề vay tiền giữa các bên như thế nào thì tự các bên giải quyết với nhau. Ông T, bà Á không có liên quan đến. Ông T, bà Á không có yêu cầu độc lập gì liên quan đến vụ án này.

[4]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 668/QĐ-NHNO-TCTL ngày 27/4/2017 (phô tô); 01 quyết định ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022; 01 Giấy ủy quyền số 87 NHNo-BTH-TL-TH ngày 24/5/2023; 01 Bản tự khai; 03 hợp đồng tín dụng số 4814LAV2021, 4814LAV2020, 4814LAV2022; 01 hợp đồng thầu chi ngày

29/9/2021; 01 biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo số TH 010/2021/BBXD; 01 đơn yêu cầu đăng kí thế chấp quyền sử dụng đất; 01 hợp đồng thế chấp QSD đất số TH 010/2021/HĐTC, ngày 03/2/2021; 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 149451, AD 149452, AE 423094; 01 thông báo về việc trả nợ vay (tất cả đều là bản sao).

- Bị đơn ông Phạm Thái Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ngọc A, ông Đào Đình T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

[5]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 146, 147, 157, 165, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng N: Buộc ông Phạm Thái Q phải trả cho Ngân hàng tiền gốc là 2.700.000.000đ và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử là 538.539.000đ.

Về án phí: Buộc ông Phạm Thái Q phải nộp án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật; trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Thái Q đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng N – Chi nhánh T1 yêu cầu ông Phạm Thái Q phải trả số tiền nợ gốc là 2.700.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 25/12/2023 theo các hợp đồng tín dụng số 4814LAV2020 ngày 14/7/2020; 4814LAV2021 ngày 08/02/2021; 4814LAV2022 ngày 04/36/2023 và hợp đồng thấu chi ngày 29/9/2021 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Phạm Thái Q là 538.539.726đ. Ông Q không có đăng ký kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng với cá nhân là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Ông Phạm Thái Q có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận và không có đăng ký tạm trú nơi khác. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu ông Phạm Thái Q trả lại tổng số tiền nợ gốc 2.700.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giai đoạn giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ và đã đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể đăng tin trên B1 ở các số 61 ngày 02/8/2023; số 62 ngày 04/8/2023; số 63 ngày 09/8/2023 và trên đài tiếng nói Việt Nam, phát sóng ba số liên tiếp vào các ngày 03, 04 và 08/8/2023. Thế nhưng, ông Phạm Thái Q đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông Q về những vấn đề liên quan đến vụ án đối với các khoản nợ vay mà Ngân hàng N khởi kiện. Thế nhưng, căn cứ vào các hợp đồng tín dụng 4814LAV2020, ngày 14/7/2020; hợp đồng tín dụng số 4814LAV2021, ngày 08/02/2021; hợp đồng tín dụng số 4814LAV2022, ngày 04/3/2022; hợp đồng thấu chi ngày 29/9/2021 có đủ căn cứ xác định tổng số tiền ông Phạm Thái Q vay của Ngân hàng tổng số tiền là 2.900.000.000đ.

Xét thấy: Tại các hợp đồng tín dụng 4814LAV2020, ngày 14/7/2020; hợp đồng tín dụng số 4814LAV2021, ngày 08/02/2021; hợp đồng tín dụng số 4814LAV2022, ngày 04/3/2022; hợp đồng thấu chi ngày 29/9/2021 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh T1 với ông Phạm Thái Q đều trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức của hợp tín dụng. Trong giai đoạn giải quyết vụ án ông Phạm Thái Q đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp được chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trong khi đó, Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ nội dung 03 hợp đồng tín dụng, 01 hợp đồng thấu chi. Thể hiện tổng số tiền vay ngân hàng là 2.900.000.000đ. Ngân hàng xác định: Vào ngày 04/3/2022 ông Q đã thanh toán được số tiền nợ gốc 200.000.000đ đối với hợp đồng tín dụng 4814LAV2021, ngày 08/02/2021 thể hiện tại chứng từ giao dịch ngày 04/3/2022. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông Q còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 2.700.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã vi phạm các quy định theo thỏa thuận được ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 06/02/2023 đến ông Phạm Thái Q. Thế nhưng, ông Q

vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định đối với ngân hàng. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông Phạm Thái Q phải trả lại số tiền nợ gốc là 2.700.000.000đ; cụ thể từng hợp đồng như sau: Hợp đồng tín dụng 4814LAV2020, ngày 14/7/2020 số tiền 150.000.000đ; hợp đồng tín dụng số 4814LAV2021, ngày 08/02/2021: 2.300.000.000đ; hợp đồng tín dụng số 4814LAV2022, ngày 04/3/2022: 200.000.000đ; hợp đồng thấu chi ngày 29/9/2021: 50.000.000đ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

[3.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Thái Q phải trả tiền lãi đến ngày 25/12/2023 là 538.539.726đ. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2020 tính lãi từ ngày 01/4/2022 đến ngày 31/01/2023 là 11.946.575đ; từ ngày 01/02/2023 đến ngày 25/12/2023 là 14.827.397đ. Tổng số tiền lãi là 26.773.973đ.

- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2021: Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 31/01/2023: 221.745.205đ; từ ngày 01/02/2023 đến ngày 25/12/2023 là 248.021.918đ. Tổng số tiền lãi là 469.767.123đ.

- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2022: Từ ngày 08/3/2022 đến ngày 31/01/2023 là 17.178.082đ; từ ngày 01/02/2023 đến ngày 25/12/2023 là 21.567.123đ. Tổng số tiền lãi là 38.745.205đ.

- Hợp đồng thấu chi: Tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày 25/12/2023: 3.253.425đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do ông Phạm Thái Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Số tiền lãi ngân hàng yêu cầu ông Phạm Thái Q phải trả là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Phạm Thái Q phải trả tiền lãi đến ngày 25/12/2023 đối với 03 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thấu chi là 538.539.726đ là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về tài sản thế chấp:

Tại hợp đồng tín dụng số: 4814LAV2021, ngày 08/2/2021; số tiền vay: 2.500.000.000đ. Ông Q thế chấp bằng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 8, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 149451, ngày 27/10/2005; thửa đất số 6, 7, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB423094, ngày 15/12/2006; tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 149451, ngày 27/10/2005; thửa đất số 11, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD149452, ngày 27/10/2005. Do trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng N chỉ yêu cầu ông Phạm Thái Q thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh; không yêu cầu xử lý các tài sản mà ông Q thế chấp tại ngân hàng. Cho nên, Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc ông Phạm Thái Q phải nộp án phí DS/ST.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Đại diện Ngân hàng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Liên quan trong vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đình T; bà Vũ Thị Ngọc Á không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các Điều 147, 271; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các khoản 2 Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

Buộc ông Phạm Thái Q phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền 3.238.539.726đ (ba tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 2.700.000.000đ (*hai tỉ, bảy trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày xét xử (25/12/2023) là 538.539.726đ.

Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2020 ngày 14/7/2020 tổng số tiền là 176.773.972đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 150.000.000đ; tiền lãi đến ngày 25/12/2023 là 26.773.972đ.
- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2021 ngày 08/02/2021 tổng số tiền là 2.769.767.123đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.300.000.000đ; tiền lãi đến ngày 25/12/2023: 469.767.123đ.
- Hợp đồng tín dụng số 4814LAV2022 ngày 04/3/2022 tổng số tiền là 238.745.205đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 200.000.000đ; tiền lãi đến ngày 25/12/2023: 38.745.205đ.
- Hợp đồng thấu chi ngày 29/9/2021 tổng số tiền là 53.253.425đ. Tiền nợ gốc 50.000.000đ; tiền lãi 3.253.425đ..

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/12/2023), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín

dụng số: 4814LAV2020 ngày 14/7/2020; 4814LAV2021 ngày 08/02/2021; 4814LAV2022 ngày 04/36/2023 và hợp đồng thầu chi ngày 29/9/2021 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh T1 với ông Phạm Thái Q.

- Về án phí:

Buộc ông Phạm Thái Q phải nộp số tiền 96.771.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 46.781.900đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0016141 ngày 08/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Án xử sơ thẩm công khai; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/12/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Tánh Linh;
- CC THA DS H.Tánh Linh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Yến